

Bản án số: 64/2018/HS-ST
Ngày 21 tháng 8 năm 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H - TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Hoan;

Các Hội thẩm nhân:

1 - Ông Nguyễn Ngọc Trứ;

2 – Ông Nguyễn Xuân Hoàng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Ngọc Mai – Thư ký Tòa án ND huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Tươi - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 8 năm 2018 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang;

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 53/2018/TLST- HS ngày 09 tháng 7 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2018/QĐXXST- HS ngày 08 tháng 8 năm 2018 đối với các bị cáo:

1 – Bị cáo: **Dương Văn Ph** (Tên gọi khác: Không có) - sinh năm 1998 tại: Xã L P, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Ch, xã L P, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Dương Văn L và bà Chu Thị Y; Vợ: Nguyễn Thị Thu Tr; Con: Có 01 con sinh năm 2016.

Tiền án, tiền sự: Không có;

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 24/4/2018 cho đến ngày 30/4/2018, Hiện đang tại ngoại, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

2 – Bị cáo: **Nguyễn Văn Th** (Tên gọi khác: Không có) - sinh năm 1999 tại: Xã L P, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Ch, xã L P, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H và bà Chu

Thị H; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án: Không có;

Tiền sự: Tại Quyết định xử phạt hành chính số 14/QĐ-XPVPHC ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, xử phạt hành chính 350.000đồng về hành vi “Tụ tập nhiều người ở nơi công cộng, gây mất trật tự công cộng”. (Đã nộp phạt ngày 19/4/2018);

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 24/4/2018 cho đến ngày 30/4/2018, Hiện đang tại ngoại, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

3 – Bị cáo: **Chu Đức S** (Tên gọi khác: Không có) - sinh năm 1998 tại: Xã L P, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: Thôn Ch, xã L P, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hoá 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Chu Quang H và bà Trần Thị M; Vợ, con: Chưa có.

Tiền án, tiền sự: Không có;

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ từ ngày 24/4/2018 cho đến ngày 30/4/2018, Hiện đang tại ngoại, bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (Có mặt tại phiên tòa).

Bị hại: Chị **Nguyễn Thị X** – sinh năm 1974 (Có mặt khi xét xử, vắng mặt khi tuyên án);

Địa chỉ: Số 14, Khu 4, thị trấn T, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh **Nguyễn Tiến H** - sinh năm 1988 (Vắng mặt) ;

Địa chỉ: Thôn Kh, xã L P, huyện H, tỉnh Bắc Giang;

- Anh **Nguyễn Tiến B** – sinh năm 1991 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Phường X Ph, quận N T L, Thành phố Hà Nội;

- *Người tham gia tố tụng khác:* Không có.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau về hành vi phạm tội của các bị cáo Dương Văn Ph, Nguyễn Văn Th, Chu Đức S đã thực hiện:

Khoảng 15 giờ ngày 18/4/2018, Ph , S, Th đi chơi game và gặp nhau tại quán Internet Bean thuộc Khu 4, thị trấn T, huyện H. Tại đây, Ph nói với S và Th “ Tao bị hóc xe, đi xem có nhà ai không để kiểm”. S và Th đều hiểu Ph rủ đi trộm cắp tài sản nên đã đồng ý. S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 98K9- 0593 của gia đình Th, chở Ph và Th theo Quốc lộ 37 lên khu vực gần cổng Trường THPT H Số 1 thì vào quán nước cạnh cổng trường; Tại đây Ph rủ Th và S đi trộm cắp, Th và S đồng ý. S chở Ph và Th đi qua nhiều khu phố của thị trấn T xem nhà ai có sơ hở thì trộm

cấp. Khi đi đến Khu 4, thị trấn T, huyện H, thì Ph phát hiện nhà chị Nguyễn Thị X - sinh năm 1974 khóa cửa ngoài, không có ai ở nhà. Sau đó Ph và Th bảo S ở ngoài canh giới để cả hai vào trộm cắp. Ph và Th trèo qua bờ tường dây thép gai vào vườn nhà chị X, do cửa phía sau nhà chị X đóng, nên cả hai dùng thót và dao để bẫy cửa nhưng không mở được. Th đã trèo lên chuồng gà nhà chị X qua mái tôn rồi lên ban công tầng hai, do cửa ra ban công nhà chị X không khóa mà chỉ cài chốt, Th dùng ngón tay đẩy chốt một lúc thì cửa bật mở, Th vào nhà đi qua cầu thang xuống tầng 1 rồi ra phía sau mở chốt cửa cho Ph vào trong nhà. Th lục tìm tài sản thì lấy được 01 chiếc điện thoại Iphone 5 tại chiếc bàn gỗ cạnh cầu thang. Ph và Th tiếp tục lục tìm trong phòng ngủ nhà chị X, thì Th trộm cắp được: 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu ASUS màu đen cùng sạc pin trong ngăn bàn làm việc; 200.000đ trong ngăn kéo bàn; 01 chiếc điện thoại Nokia C1 màu đen trên mặt bàn làm việc; 01 chiếc điện thoại Nokia C2 màu đen tại mặt bàn tủ. Ph giật cánh tủ đứng 4 buồng nhà chị X trộm cắp: 01 chiếc cặp sách màu đen bên trong có 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu DeLL cùng sạc pin, lục tìm tiếp Ph trộm cắp được 7.000.000đ tiền mặt để trong ph bì thư ở rìa tủ. Sau đó Ph lấy tiền cho cả vào túi quần đang mặc rồi cầm chiếc túi sách bảo Th cho chiếc máy tính xách tay ASUS vào và cả hai đi ra ngoài. Sau khi Ph và Th vào nhà chị X trộm cắp, S đứng ở ngoài thấy người qua lại sợ bị phát hiện, nên S đi xe máy ra Quốc lộ 37 đứng rồi và quán Internet ngồi chờ. Nhận được điện thoại của Ph, S đã đi xe đến đón Ph và Th, cả ba chở nhau xuống nhà nghỉ B S, thuộc thôn Đ Th, xã Đ T. Tại đây Th và Ph bỏ hết các tài sản trộm cắp, nhưng Ph không bỏ, không nói với Th và S về số tiền 7.000.000 đồng trộm cắp được. Một lúc sau Th về nhà cất xe, Ph sử dụng số tiền 200.000đồng để trả tiền thuê phòng hết 70.000đồng, S và Ph thuê xe taxi đến hiệu cầm đồ của anh Nguyễn Tiến H - sinh năm 1988, ở thôn K, xã L P cầm cố chiếc máy tính ASUS cho anh H để vay số tiền 3.000.000đ. Còn chiếc máy tính nhãn hiệu DeLL, Ph và S mang đến nhà anh Trần Đức C - sinh năm 1989, ở thôn Ch, xã L P, huyện H cầm cố, nhưng anh C không đồng ý, anh C giới thiệu để Ph bán chiếc máy tính cho anh Nguyễn Tiến B- sinh năm 1991, ở Phường X P, quận N T L, Thành phố Hà Nội với giá 5.700.000đ. Số tiền cầm cố và bán tài sản trộm cắp được Ph cầm và đã sử dụng 3.300.000đ để chuộc xe của Ph, còn lại các đối tượng ăn tiêu hết. Theo Ph khai: Dù Ph không thông báo cho Th và S biết số tiền trộm cắp được 7.000.000đồng ở tủ nhà chị X, nhưng Ph đã sử dụng toàn bộ số tiền này, để chi tiêu chung của cả ba đối tượng từ ngày 18/4/2018 đến ngày đến Cơ quan điều tra đầu thú.

Gia đình chị X phát hiện bị kẻ gian trộm cắp, chị X đã dò hỏi để tìm tài sản xem có bị cầm bán ở đâu không, chị X phát hiện và chuộc lại chiếc máy tính nhãn hiệu ASUS mà các đối tượng đã cầm cố cho anh H. Còn chiếc máy tính nhãn hiệu DeLL mà Ph bán cho anh B, anh B đã bán cho khách, không rõ tên, tuổi, địa chỉ

nên Cơ quan điều tra không thu hồi được. 03 chiếc điện thoại di động mà các đối tượng trộm cắp, Cơ quan điều tra đã thu hồi 01 chiếc điện thoại Iphone 5, do đối tượng Ph giao nộp, còn 02 chiếc điện thoại Nokia C1 và C2 Ph và Th cầm đã làm rơi mất, nhưng không rõ ở đâu, Cơ quan điều tra không thu hồi được.

Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện H, đã tiến hành định giá số tài sản mà cáo bị cáo đã trộm cắp. Tại kết luận tổng tài sản là hiện vật mà Ph, Th và S đã trộm cắp là: 8.070.000 đồng (Trong đó: Máy tính xách tay nhãn hiệu DeLL, màu đen, kèm theo 01 bộ dây sạc trị giá: 4.500.000đ; 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASus màu đen kèm theo 01 bộ dây sạc trị giá 2.200.000 đồng; 01 chiếc cặp sách màu đen trị giá 70.000 đồng; 01 chiếc điện thoại Iphone 5 màu trắng trị giá 1.000.000đ; 01 chiếc điện thoại Nokia C1 màu đen trị giá 150.000đ; 01 chiếc điện thoại di động Nokia C2 trị giá 150.000đ).

Tại các biên bản ghi lời khai, bản tự khai, biên bản hỏi cung các bị cáo Ph, Th, và S. Các bị cáo đều thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp như đã tóm tắt ở trên. Các bị cáo đều xác định số tiền trộm cắp, tiền bán, cầm cố tài sản trộm cắp được đã chi tiêu, sử dụng chung khoảng 10.000.000đồng đều do Ph chi phí. Các bị cáo xác định cùng có trách nhiệm bồi thường cho bị hại là chị X đối với số tài sản mà các bị cáo đã trộm cắp được không thu hồi được để trả cho bị hại. Khi ra đầu thú, bị cáo Ph đã giao nộp 01 chiếc điện thoại Iphone 5 là tài sản mà các bị cáo trộm cắp trong vụ án.

Chị Nguyễn Thị X trình bày: Khoảng 17 giờ ngày 18/4/2018, Chị đi làm về nhà thì phát hiện phòng ngủ bị lục lọi, sau khi kiểm tra các cửa nhà của gia đình, Chị phát hiện kẻ gian đã đột nhập vào nhà Chị từ cửa ở tầng hai. Tài sản mà gia đình Chị bị mất tài sản gồm: 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu ASus cùng bộ sạc pin, 01 chiếc máy tính xách tay nhãn hiệu DELL cùng bộ sạc pin, 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5 không lắp sim; 01 chiếc điện thoại Nokia C1; 01 chiếc điện thoại di động Nokia C2; 01 túi đựng máy tính và số tiền mặt khoảng từ 7.000.000đồng đến 10.000.000đồng để trong tủ ở phòng ngủ. Chị X đã có đơn đề nghị Cơ quan Công an huyện H điều tra làm rõ. Chị đã chuộc lại chiếc máy tính nhãn hiệu ASus cùng bộ sạc pin, túi đựng máy tính tại hiệu cầm đồ của anh Nguyễn Tiến H, nhận lại 01 chiếc điện thoại Iphone 5 mà Ph giao nộp do Công an huyện H thu và trả lại. Về tài sản bị mất được Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự kết luận Chị không có ý kiến gì, tại phiên tòa chị cho rằng giá trị máy tính mà các bị cáo bán thực tế cao hơn giá trị định giá. Chị X đồng ý thỏa thuận về bồi thường dân sự với các bị cáo là 17.000.000đồng (Không tính tài sản chị đã nhận lại), chị X xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

Anh Nguyễn Tiến H và anh Nguyễn Tiến B đều có lời khai như đã trình bày ở trên, về việc cầm cố và mua máy tính do các bị cáo đã trộm cắp rồi bán, cầm cố. Khi mua bán, cầm cố cho vay tiền cả hai Anh đều không biết đó là tài sản trộm cắp.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Nguyễn Thị X là người bị hại yêu cầu các bị can phải bồi thường toàn bộ số tài mà các bị can đã trộm cắp gồm: tiền mặt 7.200.000 đồng và tài sản theo kết quả định giá, tổng số tiền là: 15.270.000 đồng. Đến nay các bị can chưa bồi thường cho người bị hại.

Đối với anh Nguyễn Tiến H, anh Trần Đức C và anh Nguyễn Tiến B có nhận cầm cố, giới thiệu mua máy tính xách tay của các bị cáo. Tuy nhiên, anh H, anh C và anh B không biết là tài sản do các bị cáo trộm cắp mà có nên không xem xét xử lý.

Đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 98K9- 0593 mà bị cáo Nguyễn Văn Th sử dụng làm phương tiện để phạm tội. Quá trình điều tra xác định được chiếc xe trên là của ông Nguyễn Văn H (Bố bị can Th), ông H cho Th sử dụng nhưng không biết Th dùng vào việc phạm tội, nên không xem xét xử lý.

Về vật chứng: Quá trình điều tra, ngày 15/6/2018 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H đã ra quyết định xử lý vật chứng trả lại cho chị X 01 máy tính xách tay nhãn hiệu ASus, 01 túi đựng máy tính và 01 chiếc điện thoại di động Iphone 5 màu trắng.

Khi hồ sơ chuyển sang Tòa án chờ xét xử, bị cáo Ph đã tự nguyện nộp số tiền 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) tại biên lai thu tiền số AA/2015/0001574 ngày 13/8/2018, bị cáo S đã nộp số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tại biên lai thu số AA/2015/0001575 ngày 20/8/2018, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay: Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng trong vụ án đều không có ý kiến gì đối với kết luận định giá tài sản ở trên. Các bị cáo: Ph, Th, S đều thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản như bị hại đã trình bày ở trên.

Bản cáo trạng số 56/CT - VSK-HH ngày 06/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang. Đã truy tố Dương Văn Ph, Nguyễn Văn Th, Chu Đức S ra trước Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, để xét xử về tội “ Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Dương Văn Ph, bị cáo Nguyễn Văn Th, bị cáo Chu Đức S phạm tội “Trộm cắp tài sản”;

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo Dương Văn Ph từ 09 tháng đến 12 tháng tù. Trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ từ ngày 24/4/2018 đến ngày 30/4/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành bản án.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th từ 07 tháng đến 09 tháng tù. Trừ cho bị cáo thời gian bị tạm giữ từ ngày 24/4/2018 đến ngày 30/4/2018. Thời hạn tù tính từ ngày bắt để thi hành bản án.

Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự 2015:

Xử phạt bị cáo Chu Đức S từ 06 tháng đến 08 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 12 tháng đến 16 tháng.

Giao bị cáo Chu Văn S cho UBND xã L P, huyện H, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Về trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của bị hại với cáo bị cáo tại phiên tòa; Bị cáo Ph bồi thường cho chị X số tiền 9.000.000đồng; Bị cáo Th và bị cáo S, mỗi bị cáo bồi thường cho chị X 4.000.000đồng;

Về án phí: Áp dụng Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; Bị cáo Ph, bị cáo Th, bị cáo S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Các bị cáo có lời nói sau cùng:

Bị cáo Ph: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

Bị cáo S: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

Bị cáo Th: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1- Về tố tụng: Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Tiên H, anh Nguyễn Tiên B đã đ-ợc Tòa án triệu tập, nhưng vắng mặt tại phiên tòa, nh-ng tr-ớc đó đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Đối chiếu với Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự. Hội đồng xét xử vẫn Quyết định tiếp tục phiên tòa.

2 - Về hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên. Viện kiểm sát nhân dân huyện H, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi của người tiến hành tố tụng. Quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

3 - Các bị cáo Dương Văn Ph, bị cáo Nguyễn Văn Th, bị cáo Chu Đức S đều khai nhận: Khoảng 15 giờ ngày 18/4/2018, bị cáo Ph cùng bị cáo Th, bị cáo S gặp nhau tại quán Internet ở gần Trung tâm giáo dục thường xuyên huyện H, thuộc Khu 4, thị trấn T. Tại đây bị cáo Ph đã rủ bị cáo Th và bị cáo S đi trộm cắp để có tiền chuộc xe mô tô mà bị cáo Ph đang cầm cố, được sự đồng ý của Th và S. Sau đó bị

cáo S điều khiển xe mô tô của bị cáo Th chở bị cáo Ph, bị cáo Th đi về phía Trung tâm thị trấn T, theo đường Quốc lộ 37 để tìm kiếm tài sản của ai để sơ hở trộm cắp. Các bị cáo đi loanh quanh một lúc rồi vào quán nước ở trước cổng trường Trung học phổ thông H Số 1 uống nước, tại đây Ph lại tiếp tục rủ Th và S đi trộm cắp tài sản, uống nước xong S tiếp tục chở Ph và Th đi tìm kiếm tài sản, khi đi đến đoạn bên xe cũ thuộc thị trấn Th, S điều khiển xe mô tô vào đường đối diện bến xe, cả ba bị cáo đi đến ngã ba cuối đường, thì phát hiện một ngôi nhà hai tầng có cửa xếp đã cũ, được khóa cửa ngoài nằm ở ngay ngã ba về bên phải theo hướng 03 bị cáo đi. Cả 03 bị cáo thống nhất đột nhập vào ngôi nhà này để trộm cắp tài sản. Sau này các bị cáo biết ngôi nhà này là của vợ chồng chị X ở Khu 4, thị trấn Th. Các bị cáo phân công bị cáo S ở ngoài canh giới, canh gác, Ph và Th đột nhập vào nhà để lấy tài sản. Ph và Th đã trèo tường có dây thép gai vể trên tường, cả hai bị cáo thấy nhiều gà ở vườn nhưng không bắt được. Ph và Th thống nhất cạy cửa để lọt vào phía trong ngôi nhà để lấy tài sản. Th đã trèo lên chuồng nhốt gà, và chỏ để lên ban công tầng hai ngôi nhà, Ph ở dưới. Khi Th mở được cửa tầng hai và đi xuống tầng 1 rồi mở cửa sau, để bị cáo Ph cùng vào trong nhà. Ph và Th đã lục tìm và lấy được 02 chiếc máy tính (Nhãn hiệu ASus và DELL) cùng bộ xác pin của cả hai máy tính, 01 túi đựng máy tính, 03 chiếc điện thoại di động các loại (Gồm 01 chiếc Iphone 5, 01 chiếc Nokia C1, 01 chiếc Nokia C2); Th lấy được 200.000đồng ở ngăn kéo bàn. Ph lấy được 7.000.000đồng ở tủ 4 ngăn, Ph lấy tiền và rút túi quần đang mặc để cất riêng không cho Th và S biết.

Bị cáo Ph và bị cáo S đã đi cầm cố 01 chiếc máy tính nhãn hiệu Asus trộm cắp được, để vay anh Hưng số tiền 3.000.000đồng, Ph quản lý số tiền này. Sau đó Ph bán cho anh Bình 01 chiếc máy tính nhãn hiệu DELL được 5.700.000đồng. Toàn bộ số tiền này Ph quản lý, sau đó Ph cùng Th, S đi chuộc xe mô tô của Ph đang cầm cố cho anh Trương Đức H ở thôn V A, xã L P hết 3.300.000đồng. Số tiền cầm cố máy tính và bán máy tính còn lại và tiền Ph trộm cắp được cất dấu riêng, bị cáo Ph đã chi cho việc chơi điện tử, ăn uống, thuê nhà nghỉ cùng bị cáo Th và bị cáo S hết khoảng 10.000.000đồng (Mười triệu đồng). Chiếc điện thoại di động Nokia C1 bị cáo Ph quản lý và đã làm mất; 01 chiếc điện thoại di động Nokia C2 bị cáo Th quản lý và đã làm mất.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo Ph, bị cáo Th, bị cáo S đều đã khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng số 56/CT-VKS-HH ngày 06/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H đã nêu. Các bị cáo thừa nhận bản Cáo trạng số 56/CT-VKS-HH ngày 06/7/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo là đúng ng-ời, đúng tội, đúng pháp luật.

Lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, vật chứng là 01 chiếc máy tính hiệu ASus, 01 chiếc điện thoại Iphone 5; 01 chiếc túi đựng máy tính đã bị thu hồi và đã trả lại cho người bị hại, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, có trong hồ sơ vụ án.

Khi thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đã có đủ năng lực hành vi dân sự, đủ độ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý, vì mục

đích chiếm đoạt tài sản của người khác để bán để bán lấy tiền chi tiêu. Tổng giá trị tài sản mà các bị cáo trộm cắp là 15.270.000đồng (Mười năm triệu, hai trăm bảy mươi nghìn đồng) theo kết luận định giá tài sản, (trong đó có tiền máy tính ASUS định giá là 2.200.000đồng, máy tính DELL định giá là 4.500.000đồng).(Thực tế giá trị tài chiếm đoạt là 17.270.000đồng, vì các bị cáo cầm cố máy tính ASUS được số tiền 3.000.000đồng, 01 chiếc máy tính DELL bán được số tiền là 5.700.000đồng).

Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Hành vi phạm tội của các bị cáo: Dương Văn Ph, Nguyễn Văn Th, Chu Đức S đã đủ yếu tố cấu thành tội: “Trộm cắp tài sản” được quy định Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015.

Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bắc Giang truy tố bị cáo Dương Văn Ph, bị cáo Nguyễn Văn Th, bị cáo Chu Đức S ra tr-ớc Tòa án hôm nay là đúng ng-ời, đúng tội, đúng pháp luật.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội mà mình đã thực hiện, sau khi trộm cắp được tài sản, các bị cáo đã thấy việc mình làm là vi phạm pháp luật và đã ra đầu thú để thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, các bị cáo bị truy tố và xét xử ở khung hình phạt đến 03 năm và phạm tội lần đầu, khi hồ sơ chuyển sang Tòa án bị cáo Ph đã tự nguyện nộp 6.000.000đồng, bị cáo S đã nộp 2.000.000đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H để bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại. Tại phiên tòa bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho cả 03 bị cáo. Do vậy các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; Riêng bị cáo Ph và bị cáo S được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Tình tiết tăng nặng TNHS: Không có;

Các bị cáo trong vụ án cùng thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm,giữa các bị cáo không có sự bàn bạc, phân công trách nhiệm trước khi phạm tội, nên đồng phạm của các bị cáo trong vụ án là đồng phạm giản đơn. Khi áp dụng hình phạt đối với các bị cáo cần áp dụng Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự để xét xử đối với các bị cáo.

Về nhân nhân: Đối với bị cáo Nguyễn Văn Th trước khi phạm tội đã bị xử lý hành chính, tại Quyết định xử phạt hành chính số 14/QĐ-XPVPHC ngày 20 tháng 3 năm 2018 của Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh Bắc Giang, bị cáo bị xử lý vi phạm hành chính về hành vi “Tụ tập nhiều người ở nơi công cộng, gây mất trật tự công cộng” và bị phạt 350.000đồng. Bị cáo mới chấp hành nộp tiền ngày 19/4/2018.

Xét về hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của chủ sở hữu đ-ợc pháp luật bảo vệ, các bị cáo rất coi thường pháp luật, ngang nhiên thực hiện hành vi trộm cắp giữa ban

ngày, nhằm chiếm đoạt tài sản của người khác, khi thấy tài sản của người khác có sơ hở, là các bị cáo thực hiện ngay hành vi trộm cắp tài sản của họ.

Trong vụ án này bị cáo Dương Văn Ph có vai trò chính, vừa là người khởi xướng, rủ rê, lôi kéo bị cáo Th và bị cáo S cùng phạm tội, bị cáo vừa là người tích cực thực hiện hành vi tội phạm, tiếp đến là bị cáo Nguyễn Văn Th có vai trò tích cực cùng trực tiếp với bị cáo Ph thực hiện tội phạm, bị cáo S với vai trò giúp sức, tạo điều kiện về tinh thần cho các bị cáo khác, giúp sức trong vai trò canh gác, chở các bị cáo đi, về khi thực hiện tội phạm. Do vậy khi quyết định hình phạt cho từng bị cáo, Hội đồng xét xử xác định bị cáo Ph có vai trò cao nhất, tiếp sau là bị cáo Th; Bị cáo S.

Theo hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì bị cáo Ph và bị cáo Th không đủ điều kiện để được hưởng án treo, mặc dù hai bị cáo đều có từ hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại Khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự. Vì vậy cần phải buộc hai bị cáo này chấp hành hình phạt trong trại giam, để các bị cáo có điều kiện cải tạo tốt, để khi chấp hành xong hình phạt, các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội.

Đối với bị cáo Chu Đức S có nhân thân tốt, có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo Khoản 1, 02 tình tiết theo Khoản 2 (Đầu thú, bị hại xin giảm nhẹ) Điều 51 Bộ luật hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Do vậy HĐXX xét thấy: Cần khoan hồng cho bị cáo, tạo điều kiện cho bị cáo tự cải tạo tại nơi cư trú, bị cáo S được hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội. Để sau này bị cáo trở thành người có ích đối với xã hội, cho nên cần áp dụng quy định Khoản 1, 2, 3, 4, 5 Điều 2 của Nghị quyết 02/2018/HĐTP ngày 15/5/2018 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, áp dụng xử cho bị cáo cải tạo tại nơi cư trú, miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện là phù hợp quy định tại Điều 65 BLHS 2015.

Qua các tài liệu do cơ quan Công an thu thập và tại phiên tòa, xác định các bị cáo không có thu nhập ổn định. Các bị cáo đang sinh sống cùng bố mẹ, bị cáo Ph có con còn nhỏ, kinh tế gia đình khó khăn, nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ xung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Việc thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của bị cáo Dương Văn Ph, bị cáo Nguyễn Văn Th, bị cáo Chu Đức S không những làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự xã hội tại địa phương, mà còn làm tăng sự hoang mang, lo lắng trong quần chúng nhân dân, làm người dân không tin tưởng vào pháp luật. Bị hại trong vụ án có yêu cầu bồi thường về dân sự, đề nghị xử lý hành vi của các bị cáo theo pháp luật, nhưng xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho cả 03 bị cáo, vì vậy cần phải có hình phạt nghiêm tương ứng với hành vi mà các bị cáo đã thực hiện, thì mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại là chị Nguyễn Thị X đã nhận lại 01 chiếc điện thoại Iphone 5, 01 túi đựng máy tính. Còn các tài sản khác và tiền mặt bị mất trộm không thu hồi được để trả lại cho bị hại. Tại phiên tòa giữa bị hại và các bị cáo

thỏa thuận được về bồi thường thiệt hại về tài sản không thu hồi được, cụ thể bị cáo Ph bồi thường 9.000.000đồng, bị cáo Th và bị cáo S mỗi bị cáo bồi thường số tiền 4.000.000đồng cho bị hại là chị X (Có chồng là anh D).

Xác nhận bị cáo Ph đã nộp số tiền 6.000.000đồng (Sáu triệu đồng), tại biên lai thu tiền số AA/2015/0001574 ngày 13/8/2018; Bị cáo S đã nộp số tiền 2.000.000đồng (Hai triệu đồng), tại biên lai thu số AA/2015/0001575 ngày 20/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại.

Các bị cáo phải chịu lãi suất về số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán;

Xét đề nghị của đại diện VKSND huyện H về hình phạt đối với các bị cáo Ph, Th, S tại phiên tòa là có căn cứ.

Ý kiến của bị hại, người có quyền và nghĩa vụ liên quan, người chứng kiến, người liên quan đến vụ án có trong hồ sơ vụ án là khách quan, phù hợp với nội dung vụ án.

Về án phí: Bị cáo Dương Văn Ph, bị cáo Nguyễn Văn Th, bị cáo Chu Đức S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 23; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Khoản 1, 4 Điều 331, Khoản 1, 3 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự;

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1 - Tuyên bố bị cáo Dương Văn Ph, bị cáo Nguyễn Văn Th, bị cáo Chu Đức S phạm tội “Trộm cắp tài sản”:

+ Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015;

- Xử phạt bị cáo Dương Văn Ph 09 (Chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, trừ cho bị cáo 06(Sáu) ngày bị tạm giữ (Từ ngày 24/4/2018 đến ngày 30/4/2018); Thời hạn tù tính từ bắt bị cáo để thi hành án.

+ Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015;

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Th 09(Chín) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, trừ cho bị cáo 06(Sáu) ngày bị tạm giữ (Từ ngày 24/4/2018 đến ngày 30/4/2018); Thời hạn tù tính từ bắt bị cáo để thi hành án.

+ Áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm b, i, s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015;

- Xử phạt bị cáo Chu Đức S 06(Sáu) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Chu Đức S cho Ủy ban nhân dân xã Lương Ph, huyện H, tỉnh Bắc Giang giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của Pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo Khoản 2 Điều 65 Bộ luật hình sự, 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2 - Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng điểm b Khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự; Điều 357 Bộ luật dân sự:

+ Công nhận sự thỏa thuận giữa bị hại với các bị cáo: Bị cáo Dương Văn Ph bồi thường thiệt hại cho bị hại là chị Nguyễn Thị X (Chồng là Nguyễn Đức D) số tiền 9.000.000đồng (Chín triệu đồng); Bị cáo Nguyễn Văn Th bồi thường cho bị hại là chị Nguyễn Thị X (Chồng là Nguyễn Đức D) số tiền 4.000.000đồng (Bốn triệu đồng); Bị cáo Chu Đức S bồi thường cho bị hại là chị Nguyễn Thị X (Chồng là Nguyễn Đức D) số tiền 4.000.000đồng (Bốn triệu đồng);

Xác nhận bị cáo Ph đã nộp số tiền 6.000.000đồng (Sáu triệu đồng), tại biên lai thu tiền số AA/2015/0001574 ngày 13/8/2018; Bị cáo S đã nộp số tiền 2.000.000đồng(Hai triệu đồng), tại biên lai thu số AA/2015/0001575 ngày 20/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả cho bị hại. Tạm giữ số tiền trên để đảm bảo thi hành án.

Kể từ ngày ng-ời có quyền làm đơn yêu cầu thi hành án, ng-ời có nghĩa vụ thi hành án phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành án, theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015, đối với số tiền phải thi hành án t-ong ứng với thời gian chậm trả.

3 - Về án phí: Áp dụng Khoản 2 Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; Điểm a Khoản 1 Điều 23; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Bị cáo Ph, bị cáo Th, bị cáo S mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Dương Văn Ph phải chịu 450.000đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm;

Bị cáo Th , bị cáo S mỗi bị cáo phải chịu 300.000đồng(Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm;

4 - Về quyền kháng cáo: Áp dụng Khoản 1, 4 Điều 331, Khoản 1, 3 Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự:

Báo cho bị cáo có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Báo cho bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án sơ thẩm.

Tr- ờng hợp bản án đ- ọc thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ọc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a, 7b, Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đ- ọc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi gửi:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- CA huyện H;
- Các bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Công Hoan